FireAnt

Tổng Công ty cơ khí xây dựng - CTCP (UPCOM: TCK)

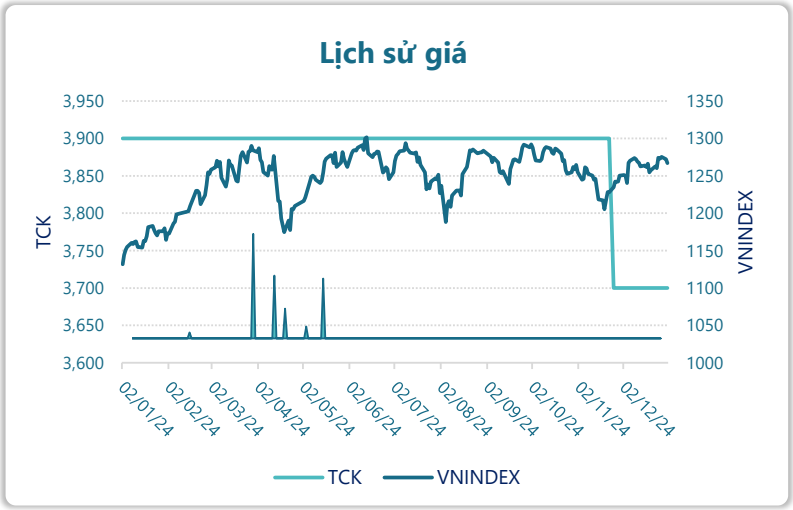

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,700
SL cổ phiếu LH	23,850,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	88
P/E	2.3
EPS	1,642

DT thuần

Q4/24

115

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 41.0| 56.0%

YoY: ▼32.0| -21.5%

LN sau thuế

Q4/24

25.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.4| 94.9%

YoY: ▲ 24.2| 1849%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

19.3%

+/- YoY: ▲ 21.2%

DT thuần

2024

286

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.00| -3.1%

LN sau thuế

2024

38.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 61.2| 265%

ROE

2024

-55.6%

+/- YoY: ▼ 71.4%

Kết quả kinh doanh

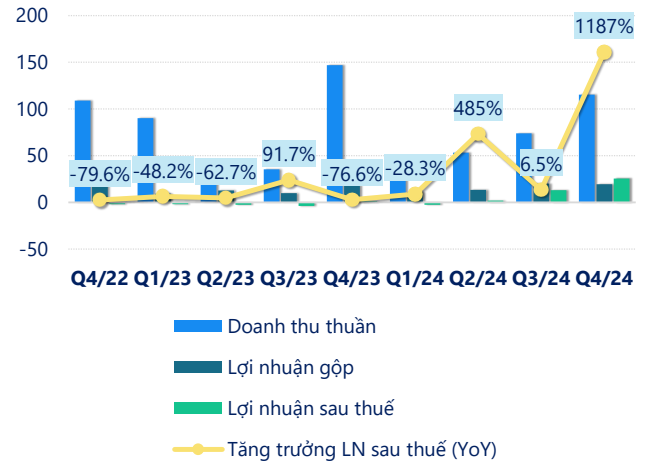

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

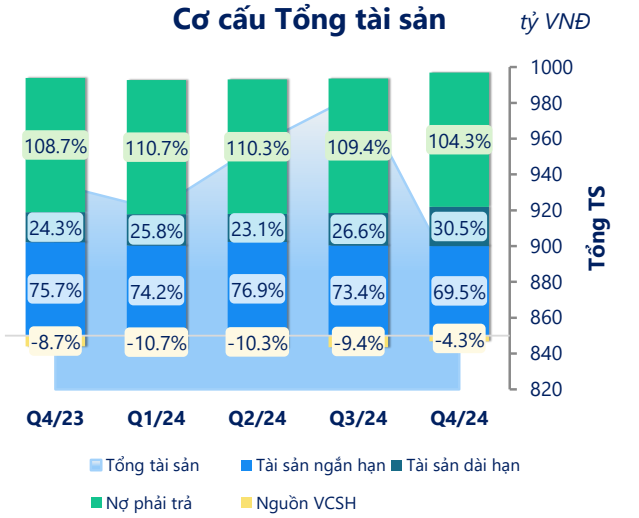

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

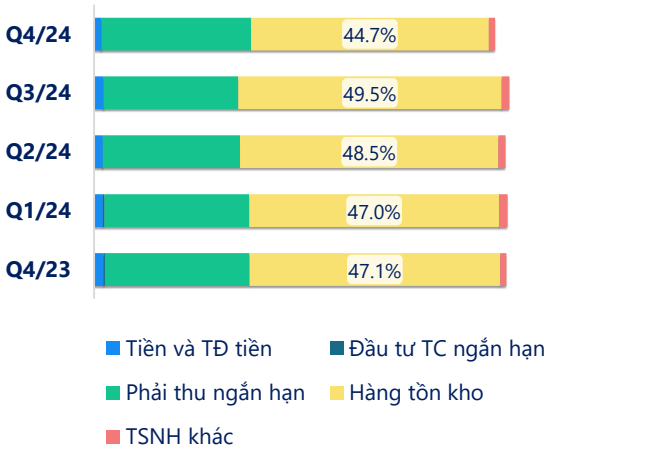

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

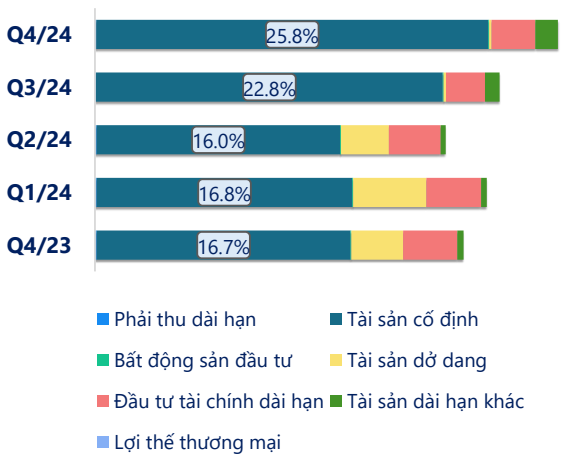

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

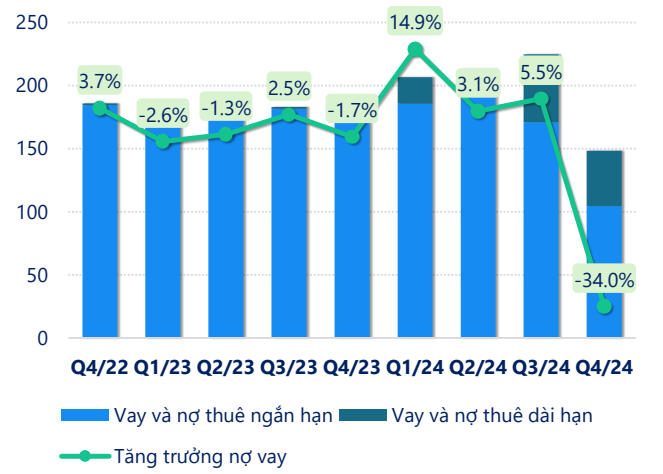

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

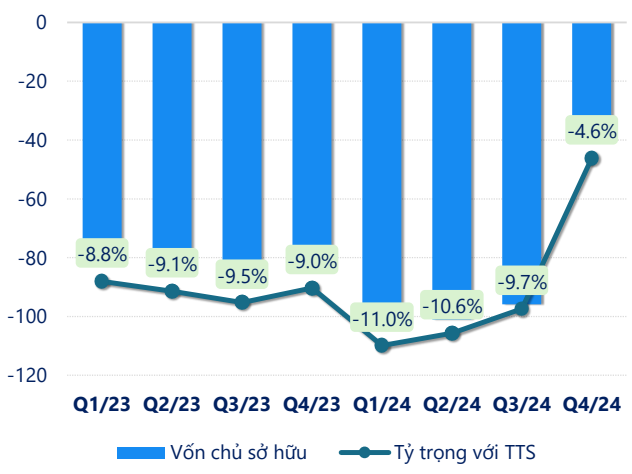

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

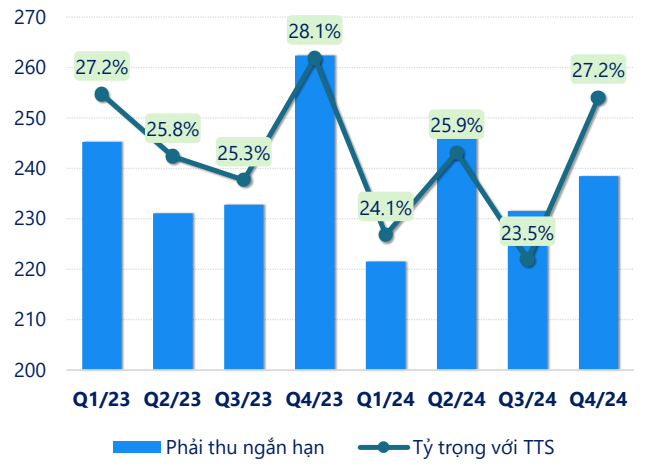

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

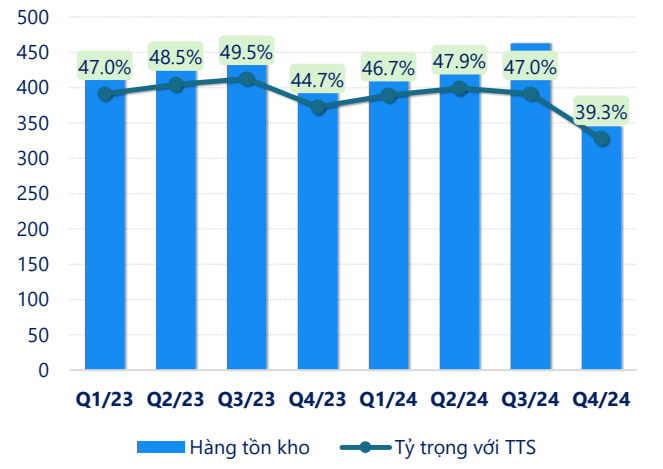

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

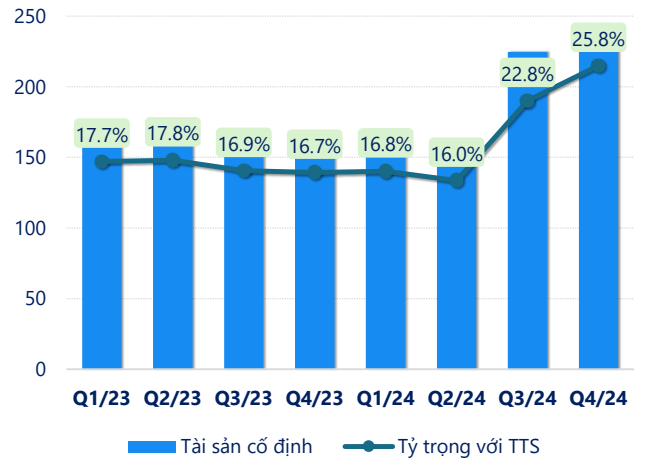

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

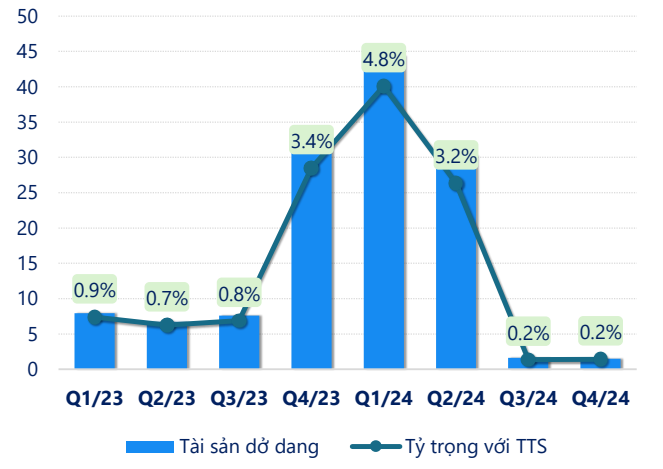

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

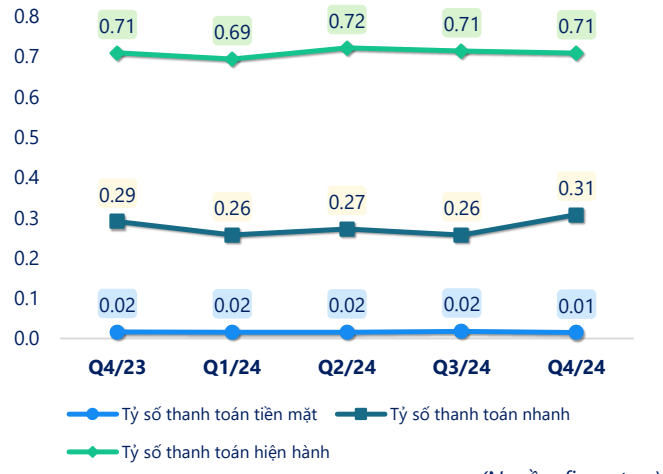

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

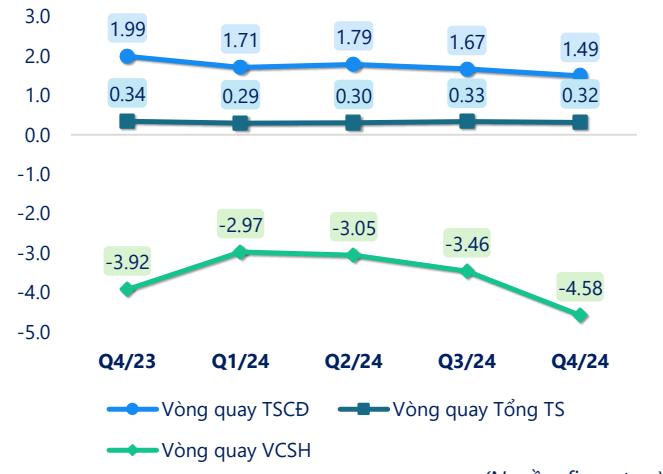

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**935**	**921**	**956**	**985**	**877**
Tài sản ngắn hạn	**708**	**683**	**736**	**723**	**610**
Tiền và tương đương tiền	16.5	15.4	15.7	17.8	12.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	262	222	248	232	238
Hàng tồn kho	418	430	458	463	345
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	15.9	13.8	10.8	13.8
Tài sản dài hạn	**227**	**237**	**221**	**262**	**267**
Phải thu dài hạn	1.02	1.08	1.02	0.78	0.78
Tài sản cố định	156	155	153	225	226
Bất động sản đầu tư	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
Tài sản dở dang	32.0	44.3	30.2	1.62	1.50
Đầu tư tài chính dài hạn	33.3	33.3	32.5	25.2	25.3
Tài sản dài hạn khác	3.79	3.37	3.13	9.58	13.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,016**	**1,019**	**1,054**	**1,078**	**915**
Nợ ngắn hạn	**998**	**984**	**1,019**	**1,013**	**861**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	174	186	191	171	104
Phải trả người bán ngắn hạn	167	127	144	109	110
Nợ dài hạn	18.4	34.7	35.6	65.6	54.4
Vay và nợ thuê dài hạn	5.98	21.0	21.7	53.9	43.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-81.5**	**-98.3**	**-98.2**	**-93.0**	**-37.6**
Vốn chủ sở hữu	**-84.4**	**-101**	**-101**	**-95.9**	**-40.5**
Vốn điều lệ	239	239	239	239	239
Kinh phí và quỹ khác	2.88	2.88	2.88	2.88	2.88

(Nguồn: fireant.vn)